

Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa lên đời sống của người cao tuổi Việt Nam

Nguyễn Văn Công

Khoa Kinh tế học, Đại học Kinh tế quốc dân

Email:congngv64@gmail.com

Nguyễn Thị Trúc

Học viện Chính sách và phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Email:tructuonglam@gmail.com

Ngày nhận: 24/9/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/10/2016

Ngày duyệt đăng: 25/12/2016

Tóm tắt:

Trong bối cảnh mức độ bao phủ của hệ thống an sinh xã hội còn hạn chế, đời sống kinh tế của người cao tuổi, đặc biệt là những người sống ở khu vực nông thôn, sẽ có nhiều thay đổi với các rủi ro về kinh tế-xã hội gắn liền với xu hướng di cư nông thôn-thành thị ngày càng mạnh. Bài viết này sử dụng mô hình hồi quy logistics để đánh giá tác động của tiền gửi từ con cái di cư lên phúc lợi kinh tế của người cao tuổi. Trên cơ sở dữ liệu từ các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) vào các năm 2004, 2008 và 2012, kết quả cho thấy tiền gửi có vai trò quan trọng trong việc cải thiện chi tiêu và thu nhập bình quân đầu người cũng như giảm nghèo cho các hộ gia đình có người cao tuổi. Bên cạnh đó, tiền gửi từ di cư nội địa cũng góp phần làm giảm bất bình đẳng cả về thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người được đại diện bằng hệ số Gini.

Từ khoá: Già hoá dân số, di cư, tiền gửi từ di cư nội địa, người cao tuổi, Việt Nam

The impact of domestic remittances on the left-behind older people in Vietnam

Abstract:

In the context of an insufficient social protection, the economic lives of older people, especially those living in rural areas, will be greatly changed by socio-economic risks that are associated with the strong rural-urban mobility of younger generations. This paper aims to investigate the impact on the economic well-being of old-age parents of domestic remittances, sent by their children who have migrated from rural to urban areas. Using data from the Vietnam Household Living Standard Survey (VHLSS) in 2004, 2008 and 2012 with logistic regression models, the authors found that domestic remittances played an essential role in improving income/expenditure per capita and reducing poverty rates of older people's households. Domestic remittances also contributed to reduce Gini coefficients, which were calculated using both income and expenditure per capita.

Keywords: Aging; migration; domestic remittances; older people; Vietnam.

1. Giới thiệu

Do tỷ suất sinh giảm nhanh và tuổi thọ ngày càng được cải thiện, Việt Nam đang tiến dần về giai đoạn cuối của “quá độ dân số” với tỷ lệ dân số cao tuổi (là những người từ 60 tuổi trở lên) ngày càng tăng. Dù chỉ là nền kinh tế có mức thu nhập trung bình thấp, Việt Nam lại là một trong những quốc gia có tốc độ

già hóa nhanh nhất thế giới (UNFPA & HAI, 2012).

Theo UNFPA (2011), Việt Nam chỉ mất chưa đến 20 năm đã chuyển từ một nước có dân số ‘đang già’ trở thành nước có dân số ‘già’, trong khi quá trình này phải mất tới khoảng 50 năm, thậm chí hơn 100 năm, với những quốc gia phát triển.

Cùng lúc đó, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới cũng làm cho đời sống của người cao tuổi thay đổi, đặc biệt là người cao tuổi ở khu vực nông thôn – từ mẫu gia đình truyền thống nhiều thế hệ cùng sinh sống và chia sẻ nguồn lực sang mẫu gia đình hạt nhân. Một trong những yếu tố làm thay đổi cuộc sống người cao tuổi ở khu vực nông thôn là việc di cư của con cái từ nông thôn ra thành thị với mục đích chính là tìm kiếm các cơ hội kinh tế. Câu hỏi đặt ra là việc con cái di cư ra thành thị tác động như thế nào tới đời sống kinh tế của người cao tuổi, đặc biệt khi xét vai trò của tiền gửi về.

Bài viết này đánh giá tác động của tiền gửi từ di cư nội địa tới đời sống kinh tế của người cao tuổi thông qua nhiều chỉ số phúc lợi kinh tế như tỷ lệ nghèo và hệ số Gini. Ngoài lời mở đầu, bài báo này được chia thành bốn phần. Phần 2 tóm tắt kết quả của một số nghiên cứu trước đây về vấn đề này. Phần 3 giải thích nguồn số liệu và phương pháp luận. Phần 4 giải thích kết quả thực nghiệm. Cuối cùng, phần kết luận tóm tắt những phát hiện chính và các khuyến nghị chính sách.

2. Tóm tắt các kết quả nghiên cứu trước đây

Có rất nhiều nghiên cứu trên thế giới về tác động của con cái di cư lên đời sống của những người ở lại quê nhà, đặc biệt là cha, mẹ là người cao tuổi. Nghiên cứu của Stark & Lucas (1988) kết luận rằng tiền gửi từ con cái di cư là nguồn hỗ trợ tài chính giúp các gia đình nông thôn đương đầu với những rủi ro trong canh tác nông nghiệp như hạn hán, mất mùa. Khi nghiên cứu tình hình lao động của người cao tuổi ở Indonesia, Cameron & Cobb-Clark (2005) đã cho thấy rằng việc nhận tiền gửi từ con cái di cư có vai trò hỗ trợ đối với cuộc sống của người cao tuổi, đặc biệt là sẽ làm giảm thời gian hoạt động kinh tế của người cao tuổi là nữ giới.

Tuy nhiên, các tác giả cũng cho rằng vai trò của tiền gửi từ con cái không có ý nghĩa nhiều đối với cuộc sống của bố, mẹ già vì việc gửi tiền của con cái không dự báo trước được và cũng không đủ lớn để thay thế hay giảm đáng kể thời gian lao động của người cao tuổi nói chung. Với trường hợp của Cam-pu-chia, phân tích của Chandore (2010) kết luận rằng việc người con di cư sẽ có đóng góp tích cực về mặt tài chính, giúp cho cha, mẹ già trong các hộ gia đình đông con ở Cam-pu-chia giảm nghèo và nâng cao mức sống vì các gia đình này không có đất hay có ít đất canh tác và thu nhập từ việc làm ruộng

không đủ cho cuộc sống của họ. Một số nghiên cứu khác cũng chỉ ra những tác động tích cực của tiền gửi từ di cư nội địa tới đời sống của người cao tuổi (như Burholt & cộng sự, 2003; Evandrou & cộng sự, 2009; và HelpAge International & UNICEF, 2010).

Ngược lại, một số nghiên cứu lại cho thấy tác động tiêu cực của việc con cái di cư tới đời sống của người cao tuổi. Ví dụ, Gibson & cộng sự (2009) khi nghiên cứu về Tonga đã cho thấy thu nhập của hộ gia đình cao tuổi có người di cư đã giảm mạnh trong ngắn hạn vì thiếu người lao động và lại phải trả nợ cho những khoản vay nhằm trang trải chi phí cho người lao động di cư. Nghiên cứu của Antman (2011) về tác động của con cái di cư ra sang Mỹ đến đời sống của người cao tuổi ở Mê-hi-cô cho thấy tổng thời gian giúp đỡ cha mẹ già từ con cái trong các gia đình đông con có tối thiểu một người con di cư sang Mỹ giảm từ 60 giờ xuống còn 56 giờ và sự khác biệt về hỗ trợ về tài chính từ tất cả những người con không đáng kể và không có ý nghĩa thống kê khi so sánh hai thời điểm trước khi và sau khi người con di cư. Cũng là trường hợp của Cam-pu-chia nhưng Sochanny Hak & cộng sự (2011) lại chỉ ra rằng chỉ những người con di cư ra nước ngoài mới hỗ trợ tài chính tích cực và giúp cha, mẹ họ giảm nghèo, còn người con di cư nội địa không có đóng góp nhiều về mặt tài chính cho cha, mẹ già ở quê.

Ở Việt Nam, cho đến nay cũng có một số các nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của việc con cái di cư, nhưng mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá vai trò của tiền gửi của con cái đi làm xa đối với cuộc sống của cha, mẹ cao tuổi của họ. Ví dụ, nghiên cứu của Babieri (2006) sử dụng số liệu từ cuộc Điều tra dân số và hộ gia đình Việt Nam năm 1999 và Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 1998 cho thấy rằng hơn 20% người cao tuổi Việt Nam nhận được tiền gửi từ con cái di cư, phụ nữ cao tuổi có xu hướng nhận được nhiều tiền gửi hơn nam giới cao tuổi. Nghiên cứu cũng cho biết thêm rằng việc con cái di cư đi làm ăn xa được kỳ vọng là có những ảnh hưởng tích cực đáng kể và đa chiều lên cuộc sống của cha, mẹ già ở nông thôn ở Việt Nam - nơi mà các khoản hỗ trợ của chính phủ đối với người già rất thiếu và yếu trong những năm gần đây và trách nhiệm chăm sóc người già thuộc về người thân trong gia đình và cộng đồng. Pfau và Giang (2010) đã ứng dụng mô hình hồi quy logistics để phân tích bốn bộ số liệu VHLSS vào các năm 1993, 1998, 2002 và

2004. Kết quả cho thấy các gia đình có người cao tuổi có phụ nữ là chủ hộ thường nhận nhiều tiền gửi từ di cư hơn các hộ gia đình có nam giới là chủ hộ. Nghiên cứu cũng khẳng định tiền gửi đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo và cải thiện bất bình đẳng về thu nhập cho các gia đình có người cao tuổi. Lê Bạch Dương & Nguyễn Thanh Liêm (2011) đã thực hiện khảo sát nhằm nghiên cứu tác động của những người di cư từ nông thôn ra thành thị lên cộng đồng nơi đi và nơi đến của người di cư và cho thấy rằng tiền gửi từ di cư đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo và nâng cao mức sống cho người cao tuổi ở nông thôn.

3. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Số liệu

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng dữ liệu từ ba cuộc Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam vào các năm 2004, 2008 và 2012. Với khoảng cách 4 năm, chúng tôi sẽ chỉ ra được xu hướng thay đổi của tiền gửi về từ di cư nội địa theo thời gian. Các cuộc khảo sát này do Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) thực hiện. Các cuộc khảo sát được thực hiện ở cấp hộ gia đình, nhưng chúng cũng cung cấp các thông tin cá nhân của các thành viên trong hộ như tuổi, giới tính, mối quan hệ với chủ hộ, tình trạng hôn nhân, tình trạng việc làm, trình độ học vấn cao nhất, tình hình sức khỏe, khu vực sống. Vì thế, chúng tôi có thể xác định được người cao tuổi (là người từ 60 tuổi trở lên) và những hộ gia đình có người cao tuổi có con cái di cư. Các cuộc khảo sát này đại diện ở cấp quốc gia và khu vực (thành thị và nông thôn). Bảng 1 trình bày cỡ mẫu điều tra.

Tiền gửi trong các cuộc khảo sát này được định nghĩa là khoản tiền hoặc/và giá trị bằng tiền của các loại hàng hóa mà các hộ gia đình nhận được từ những người như thành viên hộ gia đình hay bạn bè không sống trong hộ gia đình mà không yêu cầu phải thanh toán lại. Vì thế, trong cả ba cuộc điều tra, chúng tôi xác định được hộ gia đình nào nhận được tiền gửi từ thành viên hộ đang di cư trong nước. Điểm hạn

chế chính về thông tin là các cuộc khảo sát này chỉ cung cấp thông tin ở cấp hộ, mà không có thông tin cá nhân liên quan.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, trước tiên chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp thống kê mô tả các bảng số liệu cho mỗi cuộc khảo sát để giải thích xu thế của dòng tiền gửi từ di cư nội địa cho các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi. Tiếp theo, chúng tôi sẽ đánh giá tác động của tiền gửi từ di cư nội địa lên bất bình đẳng về chi tiêu và thu nhập giữa (i) các hộ gia đình không nhận được tiền gửi từ di cư nội địa và (ii) những hộ gia đình nhận được tiền gửi từ di cư nội địa. Chúng tôi sẽ ước lượng hệ số Gini đối với thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người của hộ trong cả hai trường hợp trên. Đối với nhóm (i), chúng tôi sẽ loại trừ tổng giá trị tiền gửi từ di cư nội địa mà mỗi hộ gia đình nhận được ra khỏi tổng chi tiêu hay thu nhập của mỗi hộ gia đình và sau đó sẽ tính hệ số Gini bằng việc sử dụng giá trị tổng chi tiêu hay thu nhập vừa được ước lượng này. Đối với nhóm (ii), chúng tôi sẽ sử dụng số liệu từ ba cuộc khảo sát để ước lượng các hệ số Gini tương ứng. Nếu hệ số Gini của nhóm (i) lớn hơn hệ số Gini của nhóm (ii) thì tiền gửi từ di cư nội địa có tác động làm giảm sự bất bình đẳng về thu nhập và chi tiêu giữa các hộ gia đình nhận được tiền gửi và không nhận được tiền gửi. Để đánh giá tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến giảm nghèo của các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi, chúng tôi áp dụng mô hình hồi quy logistics. Ở tất cả các tính toán, các trọng số cho cá nhân và hộ gia đình được sử dụng để có thể cho kết quả mang tính đại diện cho toàn thể dân số Việt Nam, cũng như người cao tuổi Việt Nam.

Mô hình logistics được ứng dụng để tính tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến giảm nghèo hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi được trình bày như sau: Một người cao tuổi i ($i = 1, 2, \dots, N$, trong đó N là tổng số người cao tuổi) được coi là sống trong hộ gia đình nghèo và cũng bị coi là nghèo

Bảng 1: Cỡ mẫu điều tra trong VHLSS

Năm	Số hộ gia đình	Số người	Số hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi	Số người cao tuổi
2004	9.189	39.696	2.785	3.806
2008	9.189	38.253	2.974	3.972
2012	9.399	36.655	2.922	3.978

Nguồn: Tự tính toán từ VHLSS2004; VHLSS2008; VHLSS2012.

($p_i=1$) nếu mức chi tiêu bình quân đầu người trung bình của hộ gia đình của người đó thấp hơn ngưỡng nghèo. Xác suất bị nghèo được xác định bằng mô hình logistics như sau:

$$P(p_i = 1) = \beta_i X_i + \varepsilon_i, \quad (1)$$

Trong đó:

X_i đại diện cho các đặc điểm cá nhân và hộ gia đình của người cao tuổi; trong đó việc nhận được tiền gửi từ di cư nội địa là một đặc điểm;

β_i là các hệ số tương ứng;

ε_i là sai số và được giả định là tuân theo quy luật phân phối chuẩn.

Từ mô hình, tác giả tính tỉ số chênh lệch $\frac{P_i}{1-P_i}$. Đối với mỗi biến số, mô hình sẽ có một nhóm tham chiếu nên nếu tỉ số chênh lệch lớn hơn 1 nghĩa là nhóm nghiên cứu có nhiều khả năng bị nghèo hơn nhóm đối chứng (tham chiếu), và ngược lại.

Trong mô hình logistic sẽ có các biến giải thích như sau:

Tuổi của chủ hộ: tuổi có thể ảnh hưởng đến việc nhận tiền gửi vì đối tượng càng lớn tuổi thì khả năng nhận được tiền gửi càng lớn hơn và càng ít có nguy cơ bị nghèo hơn (Pfau & Giang, 2010). Điều này dễ dàng nhận thấy vì người cao tuổi sẽ có xu hướng sống phụ thuộc hơn khi tuổi càng cao. Trong mô hình logistic, tuổi là một biến liên tục.

Giới tính: biến này được dùng để xác định sự chênh lệch trong xác suất nhận tiền gửi giữa nam giới và nữ giới cao tuổi. Phụ nữ được lựa chọn làm nhóm tham chiếu. Tỉ số chênh lệch ước lượng cho nhóm nữ giới được kỳ vọng bé hơn 1 vì phụ nữ cao tuổi thường được xem là yếu thế hơn, cần được chăm sóc hơn nam giới cao tuổi và thường được con cái gửi tiền về hỗ trợ nhiều hơn. Điều này cũng phù hợp với chứng minh của Pfau & Giang (2010) cho rằng nữ giới là chủ hộ thường có khả năng nhận được tiền gửi cao hơn và chính vì vậy họ có ít nguy cơ bị nghèo hơn.

Tình trạng hôn nhân: người cao tuổi được chia thành ba nhóm: kết hôn, góa vợ/chồng và tình trạng hôn nhân khác (gồm ly dị, ly thân, và độc thân). Nhóm có gia đình được coi là nhóm tham chiếu. Tỉ số chênh lệch ước lượng cho các nhóm khác được kỳ vọng là lớn hơn 1 vì những người cao tuổi bị góa bụa hay độc thân thường yếu thế hơn và thường có khả năng nhận tiền gửi từ con cái di cư nhiều hơn. Pfau & Giang (2010) kết luận rằng những người cao tuổi có gia đình thường ít được nhận tiền gửi hơn

hai nhóm còn lại. Tuy nhiên, nguy cơ bị nghèo nhiều hơn lại rơi vào hai trường hợp này.

Trình độ học vấn: biến này được chia thành hai nhóm: (i) là nhóm người cao tuổi không hoàn thành hoặc chỉ hoàn thành cấp trung học cơ sở và (ii) nhóm những người có trình độ học vấn từ cấp trung học phổ thông trở lên. Nhóm (i) được chọn là nhóm tham chiếu. Trong mô hình logistic nhằm xác định các yếu tố tác động tới việc bị nghèo của người cao tuổi, tỉ số chênh lệch được kỳ vọng là bé hơn 1 cho nhóm cao tuổi thứ (ii). Vì nhóm cao tuổi có trình độ học vấn cao thường có khả năng làm việc có thu nhập cao hơn khi tuổi trẻ và khi về già thường có khả năng nhận lương hưu nhiều hơn. Điều này cũng được chứng minh trong nghiên cứu của Pfau & Giang (2010).

Tình trạng có việc làm: gần 40% người cao tuổi vẫn đang làm việc, trong đó tỷ lệ vẫn đang làm việc của người cao tuổi ở độ tuổi 60-69 là 60%. Phần lớn việc làm của người cao tuổi là do tự làm cá nhân hoặc cho gia đình nhưng không được trả công; khoảng 29% người cao tuổi cho rằng nguồn thu nhập chính cho cuộc sống hàng ngày của họ có được là từ việc làm (UNFPA, 2011). Phần lớn những người cao tuổi có việc làm thường ít có khả năng nhận tiền gửi hơn và cũng ít có nguy cơ bị nghèo hơn (Pfau & Giang, 2010). Nếu chọn người cao tuổi không có việc làm là đối tượng tham chiếu thì tỉ số chênh lệch ước lượng cho nhóm đối chứng (nhóm người cao tuổi có việc làm) được kỳ vọng là bé hơn 1.

Nhận lương hưu: có 16% người cao tuổi cho rằng thu nhập chính cho cuộc sống của họ là từ lương hưu (UNFPA, 2011). Pfau & Giang (2010) chứng minh rằng người cao tuổi có lương hưu sẽ ít có nguy cơ bị nghèo hơn người cao tuổi không có lương hưu. Nếu chọn nhóm người cao tuổi có lương hưu làm nhóm tham chiếu trong mô hình logistic nhằm xác định các yếu tố tác động tới việc bị nghèo của người cao tuổi thì tỉ số chênh lệch cho nhóm tham chiếu sẽ được kỳ vọng là bé hơn 1.

Khu vực sinh sống: Ở Việt Nam, địa điểm cư trú (nông thôn hay thành thị) thường liên quan nhiều đến đói nghèo nên biến này cũng có tác động tích cực tới việc nhận tiền gửi của người cao tuổi. Pfau & Giang (2010) chứng minh rằng ở khu vực thành thị thì có nhiều khả năng nhận được tiền gửi quốc tế hơn ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, đối với tiền gửi từ người di cư nội địa thì ngược lại. Nếu chọn nhóm người cao tuổi ở khu vực nông thôn làm nhóm tham

Bảng 2: Tỷ lệ các hộ gia đình nhận được tiền gửi tính theo nguồn gốc tiền gửi

Toàn bộ các hộ gia đình ở Việt Nam	2004	2008	2012
Không nhận tiền gửi	12.28%	12.94%	14.56%
Nhận tiền gửi từ di cư nội địa	80.47%	80.65%	80.87%
Nhận cả tiền gửi từ di cư quốc tế và nội địa	5.58%	4.38%	3.35%
Các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi	2004	2008	2012
Không nhận tiền gửi	9.67%	11.91%	12.11%
Nhận tiền gửi từ di cư nội địa	80.75%	80.21%	82.1%
Nhận cả tiền gửi từ di cư quốc tế và nội địa	7.86%	5.28%	5.11%

Lưu ý: các cột trong bảng trên có tổng giá trị không bằng 100% vì các hộ gia đình vừa nhận tiền gửi nội địa và quốc tế có thể được cộng hai lần.

Nguồn: Tự tính toán từ VHLSS2004; VHLSS2008; VHLSS2012.

chiều thì tỉ số chênh lệch ước lượng cho nhóm đối chứng (nhóm người cao tuổi ở khu vực thành thị) được kỳ vọng là bé hơn 1.

Quy mô hộ gia đình: biến quy mô hộ gia đình cũng là một biến giải thích. Quy mô hộ gia đình lớn, có nhiều con, trong đó có con di cư, có con ở lại quê nhà sống cùng bố, mẹ hoặc sống gần bố, mẹ thì khả năng nhận được tiền gửi sẽ nhiều hơn, điều này được chứng minh trong nghiên cứu của Chandore (2010). Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu cho rằng những gia đình đông con có tối thiểu một người con di cư thì tổng tài chính mà cha, mẹ nhận được từ con cái có sự thay đổi không đáng kể giữa hai trường hợp trước khi và sau khi có người con di cư, Antman (2011). Nếu chọn người cao tuổi không có con di cư làm nhóm tham chiếu thì tỉ số chênh lệch ước lượng cho nhóm đối chứng (nhóm người cao tuổi có con di cư) được kỳ vọng là bé hơn 1 trong mô hình logistics nhằm xác định các yếu tố tác động tới việc bị nghèo của người cao tuổi.

4. Kết quả

4.1. Đặc điểm của tiền gửi từ di cư nội địa ở Việt Nam

Bảng 2 trình bày tỷ lệ các hộ gia đình Việt Nam nhận được tiền gửi theo nguồn gốc tiền gửi (gồm có tiền gửi từ di cư quốc tế và từ di cư nội địa).

Tiền gửi từ di cư nội địa ngày càng chiếm tỉ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể, Bảng 2 cho thấy trong tổng thể các hộ gia đình nhận tiền gửi thì các hộ gia đình nhận được tiền gửi từ di cư nội địa chiếm phần lớn (trên 80%) và chiếm tỷ lệ ngày càng tăng, từ 80,47% năm 2004 tăng lên 80,65% vào năm 2008 và đạt đỉnh điểm 80,87% vào năm 2012. Các hộ gia đình có tối thiểu một người cao tuổi nhận được tiền gửi từ di cư nội địa cũng chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng số những hộ gia đình có người cao tuổi nhận được tiền gửi. Ở các năm 2004 và 2008, số gia đình có ít nhất một người cao tuổi nhận được tiền gửi chỉ chiếm hơn 80% nhưng đến năm 2012 con số này đã lên tới 82,1%.

Bảng 3 thể hiện tỷ lệ tiền gửi trong tổng số tiền gửi (cả nội địa và kiều hối) tính theo nguồn gốc tiền gửi. Số liệu cho thấy giá trị tiền gửi nhận được từ di cư nội địa chiếm tỉ trọng lớn nhất và ngày càng tăng. Đối với tổng thể các hộ gia đình, số liệu cho thấy tỉ trọng giá trị tiền gửi từ di cư nội địa tăng rất nhanh,

Bảng 3: Tỷ lệ của giá trị tiền gửi về tính theo nguồn gốc tiền gửi

Toàn bộ các hộ gia đình ở Việt Nam	2004	2008	2012
Tiền gửi từ di cư nội địa	63.2%	65.3%	71.6%
Tiền gửi từ di cư quốc tế	36.8%	34.7%	28.4%
Tổng tiền gửi	100%	100%	100%
Các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi	2004	2008	2012
Tiền gửi từ di cư nội địa	56.8%	64.8%	75.9%
Tiền gửi từ di cư quốc tế	43.2%	35.2%	24.1%
Tổng tiền gửi	100%	100%	100%

Nguồn: Tự tính toán từ VHLSS2004; VHLSS2008; VHLSS2012.

từ 63,2% năm 2004, lên 65,3% năm 2008 và đạt 71,6% năm 2012. Đối với các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi thì tỉ trọng tiền gửi tăng lên rất nhanh qua các cuộc khảo sát và cũng chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng giá trị tiền gửi. Cụ thể, năm 2004 các hộ gia đình có người cao tuổi chỉ nhận được 56,8% tổng giá trị tiền gửi, đến năm 2008 con số này tăng lên 64,8% và đến năm 2012 đạt mức 75,9%.

Bảng 4 cho ta thấy tiền gửi có vai trò tích cực trong việc giảm nghèo đối với cả tổng thể các hộ gia đình nói chung và còn có ý nghĩa hơn đối với các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi. Cụ thể, năm 2004 cho thấy giá trị trung bình của lượng tiền gửi mà mỗi hộ gia đình nói chung và các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi nhận được cao hơn chuẩn nghèo 13%. Đến năm 2008 do chuẩn nghèo tăng lên 6,2% nên đối với mỗi hộ gia đình nói chung lượng tiền gửi của một hộ gia đình trung bình chỉ cao hơn

chuẩn nghèo 6%, nhưng đối với mỗi hộ gia đình có người cao tuổi thì tiền gửi đã tăng lên 27% so với chuẩn nghèo. Tuy nhiên, đến năm 2012, do chuẩn nghèo tăng lên 21% so với năm 2008 nên đối với mỗi hộ gia đình nói chung lượng tiền gửi trung bình mà mỗi hộ gia đình nhận được chỉ bằng 49% chuẩn nghèo và đối với các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi thì con số này là 66%. Nhìn chung, lượng tiền gửi mà nhóm dân số nghèo nhất nhận được đến nhóm dân số thứ 99 tăng lên nhanh chóng cho nhóm hộ gia đình nói chung và tăng nhanh hơn đối với nhóm hộ gia đình có người cao tuổi qua các năm.

4.2. Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa lên bất bình đẳng về thu nhập và nghèo đói

Bảng 5 thể hiện mối quan hệ giữa việc nhận tiền gửi và vấn đề bất bình đẳng về thu nhập ở Việt Nam thông qua hệ số Gini, với giả thiết rằng tiền gửi là nhân tố ngoại sinh đối với thu nhập/chỉ tiêu của các

Bảng 4: Phân bổ lượng tiền gửi từ di cư nội địa giữa các hộ gia đình

Đơn vị: 1.000 VND

Toàn bộ các hộ gia đình ở Việt Nam	2004	2008	2012
Chuẩn nghèo bình quân đầu người	2.070	3.358	10.455,7
Trung bình	2.329	3.561	5.088
Phần trăm chuẩn nghèo	113%	106%	49%
Phân vị thứ nhất	10	19	50
Phân vị thứ năm	23	35	60
Phân vị thứ mười	60	85	200
Phân vị thứ hai mươi	200	223	500
Phân vị thứ ba mươi	501	754	1.600
Phân vị thứ bốn mươi	2.010	2.997	5.000
Phân vị thứ năm mươi	6.000	8.544	12.050
Phân vị thứ sáu mươi	10.000	15.000	20.460
Phân vị thứ bảy mươi	23.750	42.677	50.000
Các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi	2004	2008	2012
Chuẩn nghèo bình quân đầu người	2.070	3.358	10.455,7
Trung bình	2.329	4.257	6.907
Phần trăm chuẩn nghèo	113%	127%	66%
Phân vị thứ nhất	10	19	50
Phân vị thứ năm	30	53	110
Phân vị thứ mười	100	114	300
Phân vị thứ hai mươi	270	292	910
Phân vị thứ ba mươi	820	1.023	2.770
Phân vị thứ bốn mươi	2.800	3.478	7.200
Phân vị thứ năm mươi	7.015	10.174	17.000
Phân vị thứ sáu mươi	12.020	18.552	30.000
Phân vị thứ bảy mươi	25.200	52.322	59.000

Nguồn: Tự tính toán từ VHLSS 2004; VHLSS 2008; VHLSS 2012.

Bảng 5: Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến bất bình đẳng

	Không bao gồm tiền gửi từ di cư nội địa	Bao gồm tiền gửi từ di cư nội địa
Năm 2004		
Thu nhập bình quân đầu người	0.5059	0.5059
Chỉ tiêu bình quân đầu người	0.4176	0.3868
Năm 2008		
Thu nhập bình quân đầu người	0.5838	0.5833
Chỉ tiêu bình quân đầu người	0.4107	0.3763
Năm 2012		
Thu nhập bình quân đầu người	0.4135	0.4126
Chỉ tiêu bình quân đầu người	0.3712	0.3588

Nguồn: Tự tính toán từ VHLSS2004; VHLSS2008; VHLSS2012.

hộ gia đình. Những hệ số này đo tác động của tiền gửi từ di cư nội địa tới việc phân bổ thu nhập bao gồm chi tiêu bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người. Hệ số Gini cho biết mức độ bất bình đẳng về phân bổ chi tiêu và thu nhập trong xã hội. Hệ số Gini bằng 0 cho biết việc phân phối là bình đẳng tuyệt đối, hệ số Gini bằng 1 cho biết việc phân phối là bất bình đẳng tuyệt đối (mọi nguồn lực trong xã hội tập trung vào một hộ gia đình). Bảng 5 cho thấy tiền gửi từ di cư nội địa có vai trò ngày càng lớn trong việc tạo bình đẳng trong phân phối thu nhập và chi tiêu của các hộ gia đình nhận tiền gửi ở Việt Nam. Từ kết quả cho thấy hệ số Gini nhỏ hơn sau khi cộng thêm tiền gửi từ di cư nội địa vào tổng thu nhập bình quân đầu người. Cụ thể, vào năm 2004, khi bổ sung tiền gửi thì mặc dù hệ số Gini cho thu nhập bình quân đầu người không thay đổi, nhưng chi tiêu bình quân đầu người đã trở nên bình đẳng hơn thể hiện thông qua sự cắt giảm của hệ số Gini từ 0,4176 xuống còn 0,3868. Đối với các năm 2008 và 2012, hệ số bất bình đẳng đối với thu nhập bình quân đầu người có giảm nhẹ và giảm nhiều hơn đối với chi tiêu bình quân đầu người.

Bảng 6 thể hiện kết quả của mô hình hồi quy logistic nhằm giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đói của các hộ gia đình ở Việt Nam. Ở Bảng 6, chúng tôi chỉ xem xét hệ số đối với các hộ gia đình nhận tiền gửi từ di cư nội địa, sau khi đã kiểm soát các yếu tố khác về thành phần hộ gia đình như phần trăm các thành viên hộ gia đình ở tuổi lao động, logarit qui mô hộ gia đình, kết quả cho thấy rằng tiền gửi từ di cư nội địa có tác dụng giảm nghèo cho các hộ gia đình có người cao tuổi có con di cư nội địa và

đều có ý nghĩa thống kê ở cả ba cuộc khảo sát.

5. Kết luận

Tiền gửi từ di cư nội địa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế của người Việt Nam, đặc biệt là đời sống kinh tế của người cao tuổi. Từ việc phân tích số liệu trên đây cho thấy rằng có hơn 80% các hộ gia đình Việt Nam nhận được tiền gửi từ di cư nội địa. Giá trị tiền gửi từ di cư nội địa tăng lên qua các năm đối với tổng thể các hộ gia đình nói chung và các gia đình có người cao tuổi nói riêng. Tiền gửi từ di cư nội địa có ý nghĩa tích cực đối với việc giảm nghèo đối với cả tổng thể các hộ gia đình nói chung và đặc biệt đối với các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi. Đồng Bằng Sông Hồng và Đồng Bằng Sông Cửu Long là hai vùng có dân số cao nhất và cũng thu hút được nhiều tiền gửi từ di cư nội địa nhất trong cả nước.

Nhìn chung, khu vực nông thôn là nơi có nhiều người di cư ra thành thị kiếm sống nhất nên cũng là nơi thu hút nhiều tiền gửi từ di cư nội địa nhất. Các hộ gia đình có nữ giới cao tuổi làm chủ hộ thường nhận được nhiều tiền gửi từ di cư nội địa hơn các hộ gia đình khác. Chủ hộ gia đình càng cao tuổi và không có việc làm thường nhận được tiền gửi nhiều hơn so với chủ hộ trẻ tuổi hơn qua các năm. Điều này cho thấy rằng tiền gửi từ di cư nội địa có vai trò quan trọng trong việc giảm bất bình đẳng trong thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người của các hộ gia đình Việt Nam, đặc biệt là các hộ gia đình có người cao tuổi.

Mặt khác, do hệ thống an sinh thu nhập cho người cao tuổi Việt Nam còn chưa hoàn thiện nên tiền gửi sẽ là một trong những nguồn hỗ trợ tích cực cho

**Bảng 6: Mô hình hồi quy logistic các yếu tố tác động đến nghèo
của các hộ gia đình có ít nhất một người cao tuổi ở Việt Nam**

Biến phụ thuộc	2004		2008		2012	
	Tỉ số chênh lệch	P	Tỉ số chênh lệch	P	Tỉ số chênh lệch	P
Vùng:						
Đồng bằng Sông Hồng	6.167	0	2.758	0	1.603	0
Đồng Bắc	9.441	0	7.637	0	3.956	0
Tây Bắc	29.514	0	7.111	0	8.933	0
Duyên Hải Bắc Trung Bộ	12.134	0	5.896	0	3.757	0
Duyên Hải Nam Trung Bộ	5.653	0	3.829	0	2.294	0
Tây Nguyên	8.662	0	5.394	0	2.675	0
Đông Nam Bộ (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Đồng bằng Sông Cửu Long	2.827	0	1.685	0	1.882	0
Khu vực sống:						
Nông thôn (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Thành thị	0.253	0	0.298	0	3.231	0
Tình trạng hôn nhân của chủ hộ						
Có gia đình (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Góa	1.316	0	1.096	0	0.716	0
Không có gia đình	3.133	0	1.723	0	1.836	0
Giới tính chủ hộ:						
Nam (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Nữ	0.678	0	0.770	0	1.329	0
Tuổi của chủ hộ						
Tuổi	0.976	0	0.934	0	0.910	0
(Tuổi) ²	1.000	0	1.001	0	1.001	0
Việc làm của chủ hộ						
Không làm việc (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Đang làm việc	0.999	0.841	0.809	0	0.986	0
Giáo dục						
Không hoặc chỉ hoàn thành trung học cơ sở (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Từ trung học cơ sở trở lên	1.190	0	1.172	0	0.714	0
% thành viên hộ gia đình ở tuổi lao động	0.818	0	0.908	0	0.920	0
% thành viên hộ gia đình dưới 15 tuổi	34.852	0	12.573	0	10.059	0
Logarit của quy mô hộ	0.756	0	1.053	0	1.001	0.593
Lương hưu						
Không nhận lương hưu (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Nhận lương hưu	0.233	0.000	0.134	0.000	0.178	0.000
Tiền gửi từ di cư nội địa						
Không nhận (tham chiếu)	1.000	---	1.000	---	1.000	---
Nhận tiền gửi	0.936	0.000	0.645	0.000	0.903	0.000
Cỡ mẫu (có trọng số)	5.754.575		6.922.641		7.340.011	
Log likelihood	-2.21E+06		-2.28E+06		-3.66E+06	
R² giả	0.195		0.1674		0.1556	

Nguồn: Tự tính toán từ VHLSS 2004; VHLSS 2008; VHLSS 2012.

đời sống kinh tế của người cao tuổi Việt Nam. Điều này cũng khẳng định rằng một trong những động cơ quan trọng của người lao động di cư từ nông thôn ra

thành thị kiếm việc là muốn cải thiện đời sống kinh tế cho những thành viên còn lại trong gia đình, trong đó có người cao tuổi.

Từ kết quả ở trên, chúng tôi xin gợi ý một số khuyến nghị cụ thể sau đây: (1) cần xây dựng một hệ thống an sinh xã hội toàn diện để đảm bảo mức sống cho người cao tuổi; (2) con cái di cư cần phải

nhận thức rõ hơn vai trò trong chăm sóc bố mẹ, đặc biệt khi bố mẹ còn ở lại quê hương; và (3) cần tạo việc làm cho người cao tuổi, đặc biệt là những người trong độ tuổi 60-70.

Tài liệu tham khảo

- Antman, F.M. (2011), 'How does child migration affect the health of elderly parents left behind? Evidence from Mexico', *The American Economic Review*, 100(2), 205-208.
- Babieri, M. (2006), 'Doi Moi and the Elderly: Intergenerational Support under Strain of Reforms', Paper prepared for presentation at the 2006 Population of America Association Meeting, Los Angeles, March 30 - April 1, 2006.
- Burholt, V., Wenger, G.C., Biswas, A.A., Dave, P., Mallya, I., Sodhi, N.S., Shah, Z. & Soneja, S. (2003), 'Families and Migration: Older People from South Asia', Centre for Social Policy Research and Development, Institute for Medical and Social Care Research, University of Wales, Bangor, United Kingdom.
- Cameron, L.A. & Cobb-Clark, D. (2005), *Do co-residency with and financial transfers from children reduce the need for elderly parents to work in developing countries?*, The Australian National University, Center for Economic Policy Research, DP No. 508, Australia.
- Chandore, K. (2010), 'Impact of migration on older age parent: Preliminary findings from two communes of Battambang Province, Cambodia', Presentation at CDRF National Symposium, September 9-10, 2010, Phnom Penh.
- Gibson, J., McKenzie, D. & Stillman, S. (2009), *The Impacts of International Migration on Remaining Household Members: Omnibus Results from a Migration Lottery Program*, IZA Discussion Paper No. 4375 (August 2009), Germany.
- Evandrou, M., Grant, G. & Falingham, J. (2009), *The impact of adult children's migration on wellbeing in later life: voices from Moldova*, Center for Research on Ageing (CRA) Discussion Paper 0902, School of Social Science, University of Southampton, United Kingdom.
- HelpAge International & UNICEF (2010), *Staying behind: the effects of migration on older people and children in Moldova*, HelpAge International, Chisinau, Republic of Moldova.
- Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm (2011), *Từ nông thôn ra thành phố - Tác động kinh tế - xã hội của di cư Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
- Pfau, W.D. & Giang, L.T. (2010), 'Remittances, living arrangement and the Welfare of the Elderly in Vietnam', *Asian and Pacific Migration Journal*, 19(4), 2010.
- Sochanny Hak., II Oeaur, John McAndrew, & John Knodel (2011), *Consequence of internal and cross-border migration of adult children for their older parents in Cambodia: A Micro level analysis*, Population Study Center, University of Michigan, The US.
- Stark, O. & Lucas, R. (1988), 'Migration, remittances and the family', *Economic Development and Cultural Change*, 36(3), 465-481.
- United Nations Population Fund [UNFPA] (2011), *Aging and older people in Vietnam: Status, Forecast, and Policy Suggestions*, UNFPA, Hanoi.
- United Nations Population Fund & HelpAge International [UNFPA & HAI] (2012), *Ageing in the Twenty-First Century: A Celebration and A Challenge*, HelpAge International, London.